

Họ và tên:.....Lớp:.....SBD:.....

PHẦN TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

CÂU	A	B	C	D	CÂU	A	B	C	D
1	☐	☐	☐	☐	5	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐	6	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐	7	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐	8	☐	☐	☐	☐

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1: Quy định khổ giấy có liên quan gì đến các thiết bị sản xuất giấy và in ấn?

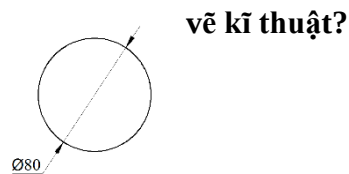
- A. Dễ sản xuất giấy theo quy mô lớn
- B. Thống nhất trong quản lí, in ấn và tiết kiệm
- C. Khẳng định loại giấy của Việt Nam trên thị trường
- D. Thuận lợi cho các thiết bị đi kèm (máy photocopy, máy in,...)

Câu 2: Đường kích thước, đường gióng sẽ được thể hiện bằng nét vẽ nào trên bản vẽ kĩ thuật?

- A. Nét lượn sóng
- B. Nét liền đậm
- C. Nét đứt mảnh
- D. Nét liền mảnh

Câu 3: Cách tạo khung vẽ trước khi tiến hành trình bày bản

- A. Lề trái, lề phải cách 20cm, lề trên và dưới cách 1cm
- B. Các lề cách đều 1cm
- C. Lề trái, lề phải cách 20mm, lề trên và dưới cách 15mm
- D. Lề trái cách vào 20mm, các lề còn lại cách 1cm



Câu 4: Hướng quan sát và vị trí của hình chiếu đứng trên bản vẽ kĩ thuật?

- A. Từ trên xuống, góc trái phía dưới bản vẽ
- B. Từ trước đến, góc phải bản vẽ
- C. Từ trên xuống, góc phải phía trên bản vẽ
- D. Từ trước đến, góc trái phía trên bản vẽ

Câu 5: Phương pháp góc chiếu nào được sử dụng phổ biến nhất?

- A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất
- B. Phương pháp góc chiếu thứ hai
- C. Phương pháp góc chiếu thứ ba
- D. Phương pháp góc chiếu thứ tư

Câu 6: Cách chú thích kích thước đường tròn ở hình bên dưới có ý nghĩa gì?

- A. Đường kính là 80cm
- B. Bán kính là 8cm
- C. Bán kính là 80mm
- D. Đường kính là 80mm

Câu 7: Chiều rộng của khổ giấy A4 là bao nhiêu?

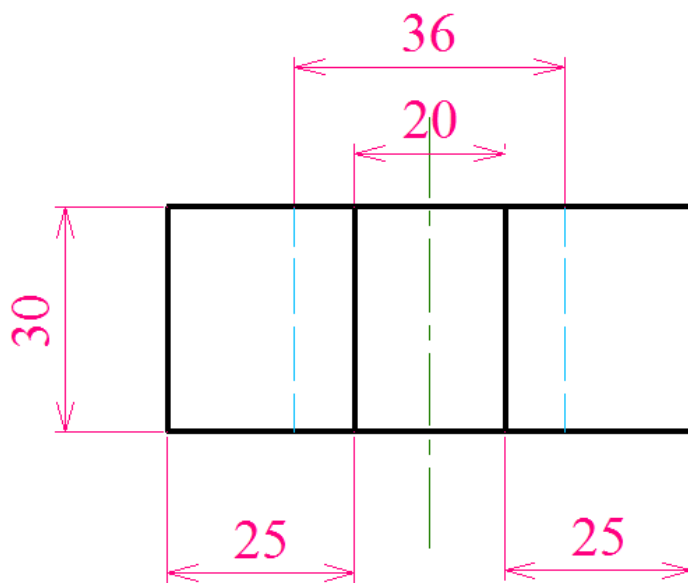
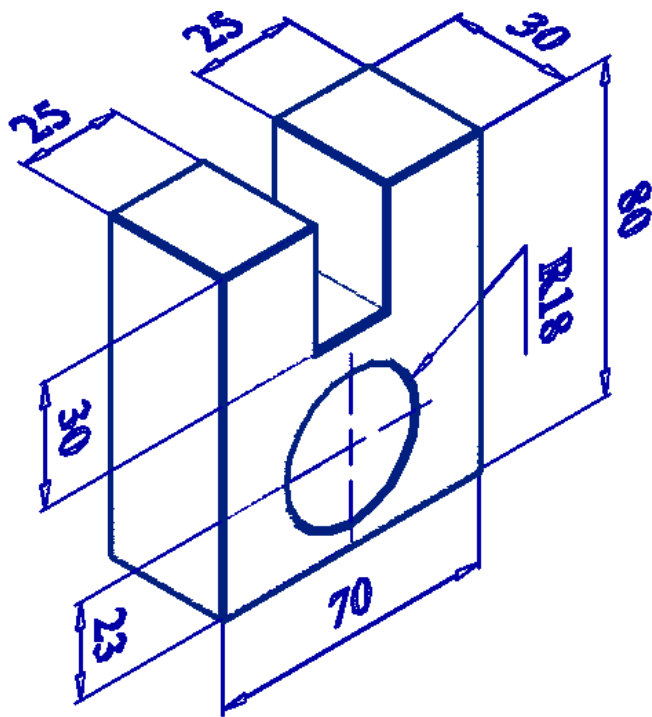
- A. 210 cm
- B. 210 mm
- C. 297 cm
- D. 297 mm

Câu 8: khổ giấy A0 gấp bao nhiêu lần khổ giấy A3?

- A. 2
- B. 4
- C. 6
- D. 8

PHẦN 2: BÀI TẬP (6 điểm)

Yêu cầu: Dựa vào kích thước và **hình chiếu bằng** đã cho, tiến hành vẽ 2 hình chiếu còn lại (hình chiếu đứng, hình



HÌNH CHIẾU BẰNG

